TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/6/2022
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Công Lương

- Ông Nguyễn Xuân Tùng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ly Na, Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1987. Vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú tại: đường D, phường I, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Tạm trú: đường L, thị trấn N, huyện P, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Dương N, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Trú tại: đường T, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Dương N kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng không sống chung. Ông N thường trú tại đường T, phường G, quận

H, thành phố Đà Nẵng. Bà H sinh sống và làm việc tại đường L, thị trấn N, huyện P, tỉnh Gia Lai. Giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không phù hợp. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến nay, bà H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, và mong muốn được Tòa án giải quyết ly hôn với ông N.

- Về con chung: Bà H xác định bà và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 08/01/2019. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định bà và ông N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà H xác định bà và ông N không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần, tuy nhiên ông Nguyễn Dương N vẫn vắng mặt không có lý do. Đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh tại công an phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xác định ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường T, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ trên.

Kết quả xác minh tại nơi bà H sinh sống xác định, bà H tạm trú tại đường L, thị trấn N, huyện P, tỉnh Gia Lai từ năm 2013 đến nay. Hiện nay bà H đang nuôi cháu Nguyễn Hoàng Cẩm T. Do ông N không sinh sống tại địa phương nên chính quyền địa phương không xác định được tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Dương N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 mà không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Dương N kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Dương, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông N thì thấy, quá trình chung sống bà H và ông N đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Ông bà đã sống ly thân nhiều năm. Ông N sinh sống thường xuyên tại đường T, phường G, quận H, thành phố Đà Nẵng; bà Hoàn sinh sống và làm việc tại đường L, thị trấn N, huyện P, tỉnh Gia Lai. Phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Sau khi bà H nộp đơn ly hôn, Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập ông N nhiều lần để giải quyết vụ việc nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H đã mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Ông N và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 08/01/2019. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của bà H, HĐXX nhận thấy mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện, ông N không có ý kiến phản hồi gì về yêu cầu nuôi con của bà H. Ngoài ra, cháu T còn nhỏ tuổi và hiện đang chung sống cùng bà H nên cần tiếp tục giao cháu cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho cháu phát triển ổn định về thể chất và tinh thần. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn hiện có công việc ổn định, nơi cư trú ổn định và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H xác định không có tài sản chung, ông Nguyễn Dương N không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H xác định không có nợ chung, ông Nguyễn Dương N không có ý kiến gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu: 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Nguyễn Dương N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Dương N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Cẩm T, sinh ngày 08/01/2019 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Dương N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Ngọc H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005534 ngày 16/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *UBND phường Nam Dương (Số đk 50, ngày 03/11/2018);*
- *Chi cục THADS huyện Chư Pưh;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Thủy